

Frequently Asked Questions

Created by: Chien Tran-Xuan

Effective date: 10/11/17

Version: 0.1

CDF

Document Control

Version	Change description	Changed by	Date
0.1	Creation	Chien Tran-Xuan	10/11/17

Table of Contents

1. Introduction	4
1.1. Purpose	4
1.2. Terms and Abbreviations	4
2. FAQ	4
2.1. General	4
2.1.1. Tại sao chỉ có CDF cho developers, còn các role khác như BA, QC thì sao?	4
2.1.2. Tại sao phần Level Mapping và Minimum Requirements chỉ có tới level của Senior, còn các level cao hơn thì sao?	4
2.1.3. Làm sao để có thể điền đầy đủ các bằng chứng (Evidence)?	4
2.1.4. Nếu không có bằng chứng cho một slot thì làm sao?	4
2.1.5. Tiêu chí nào để đánh giá một slot là PASS hay FAIL?	5
2.1.6. Bao nhiêu bằng chứng thì là đủ?	5
2.1.7. Nếu người xác nhận bằng chứng không còn làm việc ở công ty thì sao?	5
2.1.8. Tại sao số lượng slot failed của SENIOR là 2 để được đánh giá bổ sung? Tại sao số lượng failed slot của Senior lại thấp hơn các level khác?	5
2.1.9. Nếu đã pass một slot rồi thì lần đánh giá sau có cần phải xét lại?	5
2.1.10. Requirements làm việc với KH bằng tiếng Anh trong 3 tháng là hơi dễ?	5
2.1.11. Nếu tốt nghiệp từ trường có sách vở, tài liệu bằng tiếng Anh mà giảng dạy bằng tiếng Việt thì có được không?	5
2.1.12. Nếu 1 bằng chứng phù hợp với nhiều level thì sao?	6
2.1.13. Các quy tắc làm việc trong NUS là như thế nào? Ai sẽ train?	6
2.1.14. Về GUI Standard Specification thì chưa biết, chưa từng được train, nếu bây giờ mới train thì làm sao đánh giá được?	6
2.1.15. Hay làm một mình trong một dự án, không có ai verify một bằng chứng nào đó thì phải làm sao?	6
2.1.16. Dev làm chung có được quyền verify hay không?	6
2.1.17. Có bắt buộc phải điền toàn bộ level thấp rồi mới tới level cao?	6

1. Introduction

1.1. Purpose

The purpose of this document is to answer frequently asked questions related to Career Development Framework.

Note: Questions and answers are written in Vietnamese for presenting the information as correct as possible to the readers.

1.2. Terms and Abbreviations

Terms

- Assessee: The person that is assessed
- Assessor: The person who will review and evaluate the assessee (aka. reviewers)

The typical abbreviations used:

- NUS: NUS Technology
- CDF: Career Development Framework
- ASE: Associate Software Engineer
- SE: Software Engineer
- SSE: Senior Software Engineer

2. FAQ

2.1. General

2.1.1. Tại sao chỉ có CDF cho developers, còn các role khác như BA, QC thì sao?

Quá trình xây dựng CDF cần thời gian cũng như có nhu cầu từ các vị trí khác nhau. Với tình hình hiện tại của công ty thì nhu cầu phát triển nghề nghiệp của các dev đang là cao nhất và sẽ được ưu tiên phát triển trước. Dựa trên kinh nghiệm của bộ CDF cho dev thì các bộ CDF dành cho những vị trí khác sẽ được phát triển sau.

2.1.2. Tại sao phần Level Mapping và Minimum Requirements chỉ có tới level của Senior, còn các level cao hơn thì sao?

Các level cao hơn cần có nhiều thời gian hơn để xây dựng, hơn nữa với mức độ phát triển của công ty thì hiện tại mức Senior là phù hợp. Khi có nhu cầu thì các mức cao hơn sẽ được xây dựng tương ứng.

2.1.3. Làm sao để có thể điền đầy đủ các bằng chứng (Evidence)?

Lời khuyên là các developers sẽ chủ động lưu giữ các bằng chứng và thường xuyên điền cập nhật mỗi khi có một hành động hoặc sự kiện gì đó mà developers nghĩ đó là bằng chứng. Như vậy sẽ giúp developers tránh trường hợp bị sót hoặc không nhớ evidence để điền.

Ngoài ra, developers cũng có thể hỏi thêm những người liên quan để tìm lại các bằng chứng (PM hoặc team member).

2.1.4. Nếu không có bằng chứng cho một slot thì làm sao?

Một số slot có thể có nhiều cách đánh giá khác nhau bên cạnh việc cung cấp bằng chứng, đó có thể là thực hiện một số bài test thực tế hoặc được một người khác phỏng vấn. Như vậy sẽ tránh trường hợp developers

có đầy đủ kỹ năng nhưng không thể pass slot chỉ vì thiếu bằng chứng làm việc trong dự án. Tuy nhiên, không phải slot nào cũng có thể được cho phép là “Interview” hoặc làm bài test. Cần tham khảo file Know-how để biết rõ chi tiết về cách đánh giá của từng slot. Khi có yêu cầu cụ thể là một slot cần phải được interview, cần ghi rõ trong lúc điền bằng chứng là “Yêu cầu Interview” hoặc “Yêu cầu test”

2.1.5. Tiêu chí nào để đánh giá một slot là PASS hay FAIL?

Việc đánh giá PASS/FAIL sẽ dựa vào số lượng và chất lượng của các bằng chứng được cung cấp. Người quyết định PASS/FAIL sẽ review các bằng chứng được cung cấp. Nếu bằng chứng đủ mạnh hoặc số lượng bằng chứng thuyết phục thì sẽ PASS.

2.1.6. Bao nhiêu bằng chứng thì là đủ?

Không có chính xác cụ thể bao nhiêu bằng chứng là đủ. Đôi khi chỉ cần 1 bằng chứng có giá trị là đủ để PASS một slot

2.1.7. Nếu người xác nhận bằng chứng không còn làm việc ở công ty thì sao?

Trong trường hợp này sẽ áp dụng một trong những cách giải quyết sau đây theo thứ tự từ trên xuống:

- Một người khác từng làm việc chung với người được đánh giá sẽ nhờ để xác nhận bằng chứng. Lưu ý, người này phải là người được chấp nhận bởi phía công ty. Không phải ai cũng có thể xác nhận bằng chứng của người khác. Ví dụ: 2 junior dev từng làm việc chung với nhau thì không thể xác nhận bằng chứng của nhau
- Tiến hành interview hoặc test nếu slot đó cho phép làm như vậy
- Nếu vẫn không thể xác nhận được bằng chứng thì buộc phải từ chối bằng chứng đó. Các trường hợp đặc biệt sẽ được xem xét riêng bởi phía công ty.

2.1.8. Tại sao số lượng slot failed của SENIOR là 2 để được đánh giá bổ sung? Tại sao số lượng failed slot của Senior lại thấp hơn các level khác?

Vòng đánh giá bổ sung nhằm mục đích tạo điều kiện cho các bạn tiệm cận với một title không phải đợi 1 năm tiếp theo để được công nhận title đó. Tuy nhiên các title cấp cao thì yêu cầu sẽ cao hơn và khả năng để pass một level cũng sẽ khó hơn. Hơn nữa nhiều slot cần phải có được cơ hội do phía công ty tạo điều kiện. Công ty không có thời gian 100% để tạo điều kiện cho tất cả các slot hay cho tất cả các thành viên trong công ty, do đó cần phải giới hạn lại số lượng failed slot tương ứng. 2 là con số đã được cân nhắc để không quá khó và cũng không quá dễ.

Các title thấp hơn thì developers sẽ dễ có cơ hội pass các slot hơn, cho nên số lượng failed slot cho phép cũng cao hơn.

2.1.9. Nếu đã pass một slot rồi thì lần đánh giá sau có cần phải xét lại?

Việc đánh giá CDF sẽ theo nguyên tắc “không hồi tố”. Nếu bạn đã đạt được một slot nào đó rồi thì các lần đánh giá sau sẽ không bao giờ xem xét lại các slot đó

2.1.10. Requirements làm việc với KH bằng tiếng Anh trong 3 tháng là hơi dễ?

Không phải ai cũng có thể thỏa mãn điều kiện này, nó tùy thuộc vào cơ hội. Hơn nữa điều kiện này đi kèm với những điều kiện khác ví dụ như tần suất giao tiếp, kênh giao tiếp, v.v.. Cho nên không phải dễ để đạt được. Ví dụ giao tiếp với KH chủ yếu qua email và 1 tuần/1 lần thì khó có thể xem là thỏa mãn yêu cầu này.

2.1.11. Nếu tốt nghiệp từ trường có sách vở, tài liệu bằng tiếng Anh mà giảng dạy bằng tiếng Việt thì có được không?

Không. Chương trình phải là được giảng dạy bằng tiếng Anh (vì hầu hết các trường hiện tại đều dùng tài liệu

tiếng Anh)

2.1.12. Nếu 1 bằng chứng phù hợp với nhiều level thì sao?

Trường hợp này nếu xảy ra thì có thể điền bằng chứng đó cho nhiều level (copy paste). Tuy nhiên khi xây dựng thì CDF đã cố gắng tránh trường hợp này xảy ra, nếu có cũng sẽ rất ít.

2.1.13. Các quy tắc làm việc trong NUS là như thế nào? Ai sẽ train?

Đây là những quy tắc có từ ngày đầu tiên NUS được thành lập. Giám đốc công ty hoặc người được chỉ định sẽ train cho các bạn trong những dịp phù hợp.

2.1.14. Về GUI Standard Specification thì chưa biết, chưa từng được train, nếu bây giờ mới train thì làm sao đánh giá được?

GUI Standard Specification sẽ được tích hợp như một phần trong training của dev. Thông thường công ty sẽ tổ chức train cho một nhóm dev khi đủ số lượng. Đối với các dev chưa biết thì sẽ được train thêm. Mục đích train là để các dev học xem lại mình đã từng làm đúng hay chưa? Nếu đúng thì điền evidence vào, nếu chưa đúng thì xem như chưa pass slot đó

2.1.15. Thường chỉ làm một mình trong một dự án, không có ai verify một bằng chứng nào đó thì phải làm sao?

Trường hợp này cần assign cho người chịu trách nhiệm bên Technical Department hoặc người có trách nhiệm phía công ty. Tech Department sẽ thảo luận với bên công ty để xem xét. Cũng có thể tham khảo câu hỏi 2.1.7

2.1.16. Dev làm chung có được quyền verify hay không?

Nếu dev làm chung có level tương đương và công ty không đồng ý thì sẽ không được quyền verify. Các trường hợp như thế này cần hỏi thêm ý kiến của manager.

2.1.17. Có bắt buộc phải điền toàn bộ level thấp rồi mới tới level cao?

Có, cần phải điền bằng chứng cho các level ở mức thấp rồi mới điền tới mức cao.

2.1.18. Có nên điền bằng chứng càng nhiều càng tốt cho một level?

Chính xác. Việc điền nhiều bằng chứng sẽ càng chứng tỏ bạn có level cao và dễ dàng pass level đó. Dù cho bạn đang có level cao nhưng nếu không điền đủ bằng chứng thì cũng khó thuyết phục reviewer rằng bạn đã pass level này. Lưu ý: Reviewer sẽ đánh giá thông qua bằng chứng và giảm thiểu tối đa các đánh giá cảm tính.

2.1.19. Như thế nào được xem là bằng chứng phù hợp, như thế nào thì không phải là bằng chứng?

Các ví dụ sau không phải là bằng chứng vì không đủ chi tiết, nó chỉ nói lên khả năng chứ không phải là một sự việc đã xảy ra (fact):

- I have the ability to investigate and debug difficult issues
- I can lead other people to work effectively
- I know how to use AWS and Heroku
- I communicate well with the client

Các ví dụ sau là bằng chứng hợp lệ

- I investigated and fixed a difficult issue with Facebook API when doing feature A

- I lead a group of 3 people to successfully build the feature A, the feature works well in production and we got recognition from the client.
- I deployed the app several times on AWS. I set up the whole site from scratch in a AWS EC2 and frequently helped the team to monitor the app or fix issue on AWS.
- I worked and discussed with a client on an important issue related to the site performance. I explained and helped him understand the issue and proposed a suitable solution to resolve it.